

Bản án số: 04/2019/HNGĐ-PT

Ngày: 19/3/2019

V/v “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Hồng Hạnh

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Thư

Ông Bùi Văn Bình

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Nam - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:
Ông Hà Văn Chuyên - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 09/2019/HNGĐ-PT ngày 27/02/2019 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

Do Bản án sơ thẩm số 35/2018/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2019/QĐXXPT-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Bích T, sinh năm 1988 “có mặt”

Địa chỉ: Tổ 5, khu phố A, phường L, thị xã P, tỉnh Bình Phước.

- *Bị đơn:* Anh Dương Trung Đ, sinh năm 1990 “có mặt”

Địa chỉ: Thôn Đ, xã M, huyện B, tỉnh Bình Phước.

Người kháng cáo: Bị đơn anh Dương Trung Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Dương Trung Đ tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2015 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bù Gia Mập, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước vào ngày 28/5/2015. Trong thời gian chung sống giữa chị T và anh Đ không có hạnh phúc, nguyên nhân do chị T và anh Đ

không hợp nhau, không thông cảm cho nhau nên hay xảy ra mâu thuẫn; anh Đ mỗi khi uống rượu về hay cầm dao hù dọa chị T nên chị T rất sợ, mặc dù chị T đã khuyên ngăn nhiều lần nhưng anh Đ không có thay đổi, tình cảm giữa vợ chồng chị T ngày càng lạnh nhạt, từ tháng 9/2018 chị T và anh Đ đã sống ly thân nhau cho đến nay. Nay chị T xác định tình cảm chị T dành cho anh Đ không còn nên chị T yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Trong thời gian chung sống chị T và anh Đ có 01 con chung tên Dương Bảo A, sinh ngày 20/01/2016. Tại phiên tòa chị T yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu A. Chị T trình bày từ khi sinh cháu A đến tháng 9/2018 chị T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu A chu đáo, khi chị T ly thân anh Đ thì do bị anh Đ dọa nên chị T không thể dẫn cháu A theo, việc chị T thăm nom con cũng bị anh Đ và gia đình anh Đ ngăn cản, do đó nay chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu A để được trông nom, nuôi dưỡng và chăm sóc cháu vì chị T có đủ điều kiện để nuôi con, chị T có cư trú ổn định, công việc kinh doanh thu nhập trung bình khoảng 9 triệu đồng/tháng. Chị T không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Trong thời gian chung sống giữa chị T và anh Đ không có tài sản chung và nợ chung nên chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn anh Dương Trung Đ trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Về thời gian chung sống và việc đăng ký kết hôn anh Đ thống nhất với lời trình bày của chị T.

Theo anh Đ thì trong thời gian chung sống giữa anh Đ và chị T cũng có hạnh phúc, ít xảy ra mâu thuẫn, lý do chị T yêu cầu ly hôn với anh Đ chủ yếu là về tài chính do anh Đ không cung cấp được đầy đủ tiền cho chị T tiêu dùng; ngoài ra do chị T sống ở nhà anh Đ cùng với bố mẹ anh Đ không được thoải mái nên vợ chồng anh Đ và chị T thường xảy ra mâu thuẫn cãi nhau. Hiện nay, chị T đã bỏ về nhà bố mẹ ruột sinh sống từ tháng 9/2018 đến nay, anh Đ nhận thấy mâu thuẫn giữa anh Đ và chị T không lớn nhưng chị T kiên quyết yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì anh Đ đồng ý ly hôn, vì anh Đ và chị T đã hòa giải nhiều lần nhưng vẫn không đoàn tụ được.

Về con chung: Anh Đ yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung là cháu Dương Bảo A, sinh ngày 20/01/2016. Anh Đ cho rằng từ khi chị T sống ly thân với anh Đ đã giao cháu A cho anh Đ nuôi dưỡng, từ tháng 9/2018 đến nay cháu A đã sống ổn định với anh Đ do đó anh Đ yêu cầu được nuôi con mà không đồng ý giao con chung cho chị T nuôi dưỡng. Anh Đ không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản án sơ thẩm số 35/2018/HNGĐ-ST ngày 28-12-2018 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Bích T được ly hôn với anh Dương Trung Đ.

2. Về việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con: Giao cháu Dương Bảo A, sinh ngày 20/01/2016 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không xem xét giải quyết do các đương sự không yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 của luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về án phí, lệ phí Tòa án và quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Ngày 10/01/2019, bị đơn anh Dương Trung Đ có đơn kháng cáo đối với Bản án sơ thẩm số 35/2018/HNGĐ-ST ngày 28-12-2018 của Tòa án nhân dân huyện B với lý do không đồng ý việc Tòa án sơ thẩm giao con chung cho chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm theo hướng giao con chung tên Dương Bảo A, sinh ngày 20/01/2016 cho anh Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bị đơn Dương Trung Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước phát biểu:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm, Thẩm phán, Thư ký Tòa án và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Chấp nhận kháng cáo của bị đơn Dương Trung Đ, sửa Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 35/2018/HNGĐ-ST ngày 28/12/2018 của Tòa án nhân dân huyện B theo hướng giao con chung cho anh Đ được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của anh Dương Trung Đ làm trong thời gian luật định, phù hợp với Điều 272, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; đương sự có kháng cáo đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn anh Dương Trung Đ về việc đề nghị được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung, Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong quá trình giải quyết vụ án, cả anh Đ và chị T đều xác nhận vợ chồng anh Đ chị T chỉ có 01 con chung tên Dương Bảo A, sinh ngày 20/01/2016. Khi giải quyết ly hôn anh Đ và chị T đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con đây là nguyện vọng chính đáng của cả anh Đ và chị T. Tuy nhiên cần xem xét toàn diện, thấu đáo, cân trọng để giao cháu A cho người nuôi dưỡng cháu một cách tốt nhất nhằm đảm bảo cho sự phát triển tối ưu của cháu A cả về thể lực, trí lực và tâm lực.

Xét thấy, anh Đ và chị T đều có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và cả hai đều có điều kiện kinh tế cũng như chỗ ở ổn định và các điều kiện khác đáp ứng cho việc tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Tuy nhiên, hiện nay cháu Dương Bảo A còn nhỏ, tại thời điểm xét xử sơ thẩm ngày 28/12/2018 cháu Dương Bảo A chưa đủ 36 tháng tuổi. Theo phạm vi xét xử phúc thẩm, cấp phúc thẩm chỉ xem xét trong phạm vi kháng cáo đối với Bản án sơ thẩm đã tuyên. Như vậy, theo khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con”*. Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét giao con chung cho chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là có căn cứ đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh Đ giao nộp cho Tòa án 01 bản phô tô Giấy phép lái xe ô tô, 01 bản phô tô Giấy chứng nhận đã tham dự lớp đào tạo huấn luyện viên thể hình và 01 bản tường trình của bố anh Đ là ông Dương Văn S để chứng minh rằng anh Đ có nguồn thu nhập tốt hơn chị T nên sẽ có điều kiện kinh tế nuôi cháu A tốt hơn. Tuy nhiên, như đã nhận định ở trên việc cháu A còn nhỏ rất cần sự

chăm sóc, dạy dỗ, gần gũi hàng ngày của người mẹ để cháu phát triển tốt nhất. Điều này không chỉ phù hợp với quy định của pháp luật mà còn phù hợp với đạo lý, thuần phong mỹ tục và truyền thống tốt đẹp của người Việt Nam nên cần giao con chung cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Do vậy, kháng cáo của anh Đ không được chấp nhận.

[3] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước không phù hợp với nhận định Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[4] Án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm: Do kháng cáo của anh Đ không được chấp nhận nên anh Đ phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[5] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 1 Điều 148 và khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;
Không chấp nhận kháng cáo của anh Dương Trung Đ.

Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 35/2018/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

[2] Căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các điều 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích T.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Bích T được ly hôn với anh Dương Trung Đ.

Về việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con: Giao cháu Dương Bảo A, sinh ngày 20/01/2016 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không xem xét giải quyết do các đương sự không yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực

tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 của luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

[3] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Bích T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị T đã nộp theo biên lai thu số 0019561 ngày 05/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

[4] Án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm: Anh Dương Trung Đ phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) anh Đ đã nộp theo biên lai thu số 0019620 ngày 16/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

[5] Các quyết định khác của Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Phước;
- TAND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu: Tổ HCTP, TDS
- Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Lê Hồng Hạnh